TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2025
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Nguyễn Thế Khoa
2/ Bà Phan Thị Thúy Hằng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Rum Ba- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Tuyết Nhi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1978
  Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.
  Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).
- Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1979
  Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên
  Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn L trình bày: Vào năm 1998, ông L và bà Lê Thị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T (nay là xã H, huyện P), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống bình thường, tuy nhiên đến năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn lý do tính tình không còn phù hợp, mâu thuẫn về cách dạy con nên hay cãi vã, nhiều lần bà L bỏ nhà đi nên đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không chung sống với nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay ông L không còn tình cảm với bà L nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Huỳnh Văn B, sinh ngày 17/01/1997 và Huỳnh Văn A, sinh ngày 10/6/2000. Hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Theo lời trình bày của anh Huỳnh Văn A là con ruột ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị L có nội dung: Ông L và bà L kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn và có 02 con chung là Huỳnh Văn B, sinh năm 1997 và Huỳnh Văn A, sinh năm 2000, hiện nay đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống bản thân. Cách đây 02 năm anh A không biết giữa cha, mẹ xảy ra mâu thuẫn gì mà bà L bỏ nhà đi cho đến nay không về, tuy nhiên bà L vẫn giữ liên lạc với anh A, anh A có nhận giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa và thông báo cho bà L biết việc ông L làm đơn xin ly hôn nhưng bà L không về Tòa giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa nhiều lần triệu tập hợp lệ bà L và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L vắng mặt và Tòa án đã tiến hành lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nêu quan điểm giải quyết vụ án; Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Lê Thị L; Về con chung: Huỳnh Văn B, sinh ngày 17/01/1997 và Huỳnh Văn A, sinh ngày 10/6/2000, đều đã trưởng thành, có khả năng lao động nên đề nghị Tòa không xét. Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Tòa không xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn L và bị đơn bà Lê Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên toà nhưng đều vắng mặt, đối với ông Lang có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị L tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã T (nay là xã H, huyện P) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1998 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, lý do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau. Tòa án nhân dân huyện P nhiều lần đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bà L không đến Tòa để thể hiện thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, hôn nhân giữa ông L và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông L được ly hôn bà L.

[3]Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Huỳnh Văn B, sinh ngày 17/01/1997 và Huỳnh Văn A, sinh ngày 10/6/2000. Hiện nay đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn L không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

***Tuyên xử*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Huỳnh Văn L được ly hôn với bà Lê Thị L.

Về con chung: Đối với anh Huỳnh Văn B, sinh ngày 17/01/1997 và Huỳnh Văn A, sinh ngày 10/6/2000. Hiện nay đều đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Ông Huỳnh Văn L không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Huỳnh Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí HNGĐ-ST. Được khấu trừ số tiền ông L đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005121 ngày 20/11/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND H.P;
- CCTHADS H P;
- TAND tỉnh P;
- UBND x.H, h. P (Số 02; Ngày 03/11/1998)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Sơn